



DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS
(Kèm theo Quyết định số/Attachment with decision: **1585/QĐ-VPCNCLQG**
ngày **13** tháng **6** năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên đơn vị tổ chức PT: **Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học**

PT Provider name: **Quality control center for medical laboratory**

Cơ quan chủ quản: **Trường Đại học Y Hà Nội**

Organization: **Ha Noi Medical University**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Vì sinh, Huyết học**

Field of Medical testing: **Microbiology, Hematology**

Người phụ trách/
Representative: **GS. TS. Trần Huy Thịnh**

Số hiệu/ Code: **VIPAS 007**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày **13** /06/2025 đến ngày **12** /06/2030**

Địa chỉ trụ sở chính: **Tầng 6 nhà A6, Trường Đại học Y Hà Nội, số 1 Tôn Thất Tùng, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội**

The head office address: **6th floor, A6 Building, Hanoi Medical University, No. 1 Ton That Tung, Kim Lien Ward, Dong Da District, Hanoi**

Địa điểm công nhận: **Tầng 6 nhà A6, Trường Đại học Y Hà Nội, số 1 Tôn Thất Tùng, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội**

Accredited locations: **6th floor, A6 Building, Hanoi Medical University, No. 1 Ton That Tung, Kim Lien Ward, Dong Da District, Hanoi**

Điện thoại/ Tel: **02435747248**

E-mail: **trungtamkiemchuanhn@qcc.edu.vn**

Website: **qcc.edu.vn**

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS
VIPAS 007

Lĩnh vực TNTT Xét nghiệm: Vi sinh

Field of PT Medical testing: Microbiology

TT No.	Nền mẫu Sample matrix	Chỉ tiêu Testing items	Các kỹ thuật dùng để xác định giá trị án định/ Độ không đảm bảo đo Techniques used to determine assigned value/ Uncertainty
Tên chương trình: Chương trình ngoại kiểm Vi sinh Name of PT program: External quality assessment scheme for Microbiology			
1.	Mẫu tiêu bản <i>Bacterial smeared slide</i>	Nhuộm Gram <i>Gram staining</i>	Được xác định từ giá trị biết trước của chuẩn tham chiếu. <i>Determined from the certified value of the reference material.</i>
2.	Mẫu định danh <i>Bacterial identification sample</i>	Nuôi cấy, định danh <i>Culture and identification</i>	Được xác định từ giá trị biết trước của chuẩn tham chiếu. <i>Determined from the certified value of the reference material.</i>
3.	Mẫu kháng sinh đồ <i>Antimicrobial susceptibility sample</i>	Kháng sinh đồ <i>Antimicrobial susceptibility testing</i>	Được xác định theo thứ tự ưu tiên như sau: <i>Determined in the following order of priority:</i> - Giá trị đồng thuận từ phòng xét nghiệm chuyên gia. <i>Consensus value from expert laboratories.</i> - Giá trị đồng thuận từ các bên tham gia. <i>Consensus value from participant results.</i>

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITATED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS
VIPAS 007

Lĩnh vực TNTT Xét nghiệm: Huyết học

Field of PT Medical testing: Hematology

TT No.	Nền mẫu Sample matrix	Chỉ tiêu Testing items	Các kỹ thuật dùng để xác định giá trị án định/ Độ không đảm bảo đo Techniques used to determine assigned value/ Uncertainty
Tên chương trình: Chương trình ngoại kiểm Định nhóm máu Name of PT program: External quality assessment scheme for Blood grouping			
1.	Mẫu hồng cầu và mẫu huyết thanh <i>Red blood cell suspension and serum</i>	Nhóm máu hệ ABO <i>ABO blood grouping</i>	Giá trị đồng thuận từ các bên tham gia <i>Consensus value from participant results</i>
2.	Mẫu hồng cầu <i>Red blood cell suspension</i>	Nhóm máu hệ Rh(D) <i>Rh(D) blood grouping</i>	Giá trị đồng thuận từ các bên tham gia <i>Consensus value from participant results</i>

Ghi chú/ Notes:

Trường hợp Trường Đại học Y Hà Nội cung cấp dịch vụ thử nghiệm thành thạo thì Trường Đại học Y Hà Nội phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này. *It is mandatory for the Ha Noi Medical University that provides Proficiency Testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

Phạm

